

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG**

CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ GDMN NGOÀI CÔNG LẬP

Đơn vị: Phòng GD&ĐT An Dương

Thời điểm: Tháng 12/2023

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Dạy học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác/ năm	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
1	Trường MN Sao Mai	Nguyễn Thị Xuân	Tổ 4 thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng. ĐT:0313.670.568	Số 910/QĐ-UBND. Ngày 19/8/2009	Số 59 /QĐ-UBND. Ngày 19/8/2011	4	232	4	800	40	9	7	2		MG: 1.200 NT: 1.300	650		600	1400	131	115
2	Trường MN Kim Đồng	Nguyễn Tiến Dũng	Do Nha - Tân Tiến, An Dương, Hải Phòng. ĐT:0936995707	Số 789/QĐ-UBND. Ngày 22/6/2010	Số 56/QĐ-PGDĐT. Ngày 22/6/2012	5	225	5	100	40	10	4	6		830	520	500	500	400	135	144
3	Trường MN Sao Sáng	Nguyễn Thị Hương	CSI: Nam Hoà - An Hưng - An Dương- Hải Phòng. CSII: Do Nha - Tân Tiến - An Dương - Hải Phòng ĐT:0225.3290339	Số 845/QĐ-UBND Ngày 13/5/2014	Số 71/QĐ-PGDĐT Ngày 12/5/2016	16	805	16	620	134	35	17	18	0	NT: 1100 3T: 1000 4,5T:900	572	550	975	975	495	471
4	Trường MN Sao Mai II	Phạm Thị Thuận	Quỳnh Hoàng, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng. ĐT:09622331107	Số 645/QĐ-UBND. Ngày 13/02/2017	Số 14/QĐ-PGDĐT Ngày 13/02/2017	4	200	4	200	40	7	3	4	0	NT: 1.500; 3T: 1.400; 4,5T: 1.300	750	700	800	200	95	83
5	Trường MN Baby Stars	Nguyễn Thị Bình	Khu chung cư Pruksa Town, An Đồng, AN Dương, Hải Phòng. ĐT:0901585444	Số 10/QĐ-UBND. Ngày 05/01/2018	58/QĐ-PGD&ĐT, ngày 19/7/2021	6	600	6	1500	40	9	5	4		MG: 1.500 NT: 1.600	650		600	1400	125	104

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non	Tên chủ trương, chủ nhóm lớp	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác/ năm	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
6	Trường MN Bé Thông Minh	Đoàn Hữu Thiện	Xóm 4, thôn Vĩnh Khê, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng. ĐT:0859027668	Số 2932/QĐ-UBND. Ngày 16/11/2018	59/QĐ-PGD&ĐT, ngày 19/7/2021	5	300	5	400	120	11	8	3	0	1700	780	1,000	1,000		169	170
7	Trường MN Đôremon	Đoàn Thị Huyền	Vĩnh Khê - An Đồng, AN Dương, Hải Phòng. ĐT:0989416191	Số 74/QĐ-UBND. Ngày 20/6/2019	Số 39/QĐ-UBND. Ngày 31/8/2019	7	780	7	500	75	17	14	3	0	MG: 1100 NT: 1200	702	300	600	500	173	244
8	Nhóm trẻ, lớp MGDŁ Họa Mi	Phan Thị Thu Hằng	TDP 3- Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng. ĐT:01222703976	Số 100/QĐ-UBND. Ngày 30/12/2015		2	56	1	76	12	2	1	1		MG : 780 NT : 880	520	400	400	100	31	31
9	Lớp MNĐŁ Tuổi Thần Tiên	Nguyễn Thị Thu Hào	Vân Tra- An Đồng- An Dương-Hải Phòng. ĐT:0846140482	Số 05/QĐ-UBND Ngày 08/01/2019		3	150	3	250	30	7	6	1		1.000	572	500	500	150	70	70
10	Lớp MNĐŁ Minh Châu	Đinh Thị Thuý	Vĩnh Khê-An Đồng- An Dương-Hải Phòng. ĐT:0387770405	Số 59/QĐ-UBND ngày 22/03/2017		2	100	2	60	20	4	4			725	520	200	300	50	50	46
11	Lớp MNĐŁ Bảo Lộc	Nguyễn Thị Dung	Vĩnh Khê-An Đồng- An Dương-Hải Phòng. ĐT: 0392948694	Số 137/QĐ-UBND Ngày: 22/07/2021		2	100	2	100	25	4	4			600	600	150	300	250	50	50
12	Lớp MNĐŁ Sunflower	Phạm Thị Dung	Vĩnh Khê-An Đồng-An Dương-Hải Phòng. ĐT:'0989452384	Số 579/QĐ UBND ngày 28/06/2022		3	110	3		25	5	3	2		1,500	650	500	500		67	48

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non	Tên chủ trương, chủ nhóm lớp	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVCL/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác/ năm	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
13	Lớp MNĐL Hoa Phượng	Hoàng Thị Phụng	LK5 số 37, CCHH, Vĩnh Khê-An Đồng- An Dương -Hải Phòng. ĐT:0355443131	Số 06/QĐ-UBND Ngày 12/1/2018		2	70	2	30	20	4	3	1	0	700	520	250	250		45	36
14	Lớp MNĐL Hoa Hướng Dương	Phạm Thị Ngọc Ánh	Vĩnh Khê-An Đồng- An Dương- Hải Phòng. ĐT:0357869589	Số 15/QĐ-UBND ngày 19/01/2023		3	130	3	40	18	5	4	1		1,500	650	500	500		50	50
15	Nhóm trẻ, lớp MGDLP	Nguyễn Thanh Huyền	Khu Đô thị PG-An Đồng-An Dương - Hải Phòng. ĐT:0975608925	Số 38/QĐ-UBND ngày 14/3/2023		2	95	2		40	5	1	4		NT: 1.238 MG: 1.045	520	300	200	100	61	30
16	Nhóm trẻ, lớp MGDLP Thành Công	Nguyễn Thị Nhài	An Trang - An Đồng - An Dương - Hải Phòng. ĐT:0904284685	Số 44/QĐ-UBND ngày 14/3/2023		2	65	2		16	4	3	1		NT: 1000 MG: 800	650	300	300	100	44	41
17	Nhóm trẻ, lớp MGDLP Hoa Mai	Trần Kim Liên	An Dương -An Đồng - An Dương - Hải Phòng. ĐT:0963586770	Số 41/QĐ-UBND ngày 14/3/2023		2	70	2		20	2	0	2		NT: 750 MG: 650	650	300	200	100	37	15
18	Nhóm trẻ, lớp MGDLP Thiên An	Đinh Ngọc Diệp	An Dương-An Đồng - An Dương - Hải Phòng. ĐT:01696079259	Số 45/QĐ-UBND ngày 14/3/2023		2	68	2		25	3	3	0		NT: 800 MG: 750	520	200	300	80	42	18
19	Nhóm trẻ, lớp MGDLP Bé Na	Nguyễn Thị Kim Tố	An Trang-An Đồng - An Dương - Hải Phòng. ĐT:0983694685	Số 40/QĐ-UBND ngày 14/3/2023		2	128	2		20	3	2	1		NT: 830 MG 730	520	300	200	150	50	25

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Dạy học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác/ năm	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
20	Nhóm trẻ, lớp MGD L SunKids	Phạm Thị Tuyền	An Dương-An Đông - An Dương - Hải Phòng ĐT:01696079259	643/QĐ-UBND ngày 26/8/2022		3	28	3		21	5	4	1		NT: 900 MG 800	650	300	200	50	57	45
21	Nhóm trẻ, lớp MGD L Kid's Home	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trang Quan -An Đông - An Dương - Hải Phòng ĐT:0934240346	49/QĐ-UBND ngày 17/3/2023		2	73	2		8.6	2	1	1		NT: 750 MG: 700	520	300	300	80	35	15
22	Nhóm trẻ, lớp MGD L Happy Star	Trần Thị Thiết	Đội 9 thôn Hoàng Mai Mai, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng ĐT:0898286169	Số 109/QĐ-UBND. Ngày 11/11/2019		3	198	2	270	20	5	1	4		NT:800 3T:800 4T: 800	598	300	300	100	68	60
23	Nhóm trẻ, lớp MN độc lập Tuổi Ngọc	Lê Thị Thanh Ngọc	Đội 4 thôn Bạch Mai, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng. ĐT:0358506250	76/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND xã Đồng Thái	76/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND xã Đồng Thái	2	100	2	20	10	3	1	2		NT: 800 MG: 700	598			100	40	28
24	Nhóm trẻ, lớp MGD L Ánh Sao	Bùi Thị Hường	Thôn Đào Yêu, Xã Hồng Thái,Huyện An Dương, Hải Phòng. ĐT:0988933509	Số 123/ QĐ-UBND. Ngày 01/11/2017		2	75	2	100	30	3	1	2	0	800	520	400	400	100	40	24
25	Nhóm trẻ, lớp MGD L Sơn Ca	Đoàn Thị Loan	Thôn Kiều Trung, Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng. ĐT:01688527968	Số 121/QĐ-UBND. Ngày 01/11/2017		2	120	2	80	25	3		3		720	520	300	400	100	44	44

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác/ năm	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
26	Nhóm trẻ, lớp MGD L Sao Sáng	Hoàng Thị Tâm	Kiêu Đông, Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng ĐT:0962.903.540	Số 122/QĐ-UBND Ngày 01/11/2017		2	70	1	50	30	3	1	2	0	750	520	200	500	100	40	38
27	Nhóm trẻ độc lập cô Nga	Đỗ Thị Thủy Nga	Xóm Đông- Lương Quy, Lê Lợi, An Dương, Hải Phòng ĐT:0378843680	Số QĐ 17-UBND. Ngày 3/4/2017		1	30	1	60	15	1	1	0	0	800	468	200	100	100	13	14
28	Nhóm trẻ độc lập Măng Non	Nguyễn Thị Trang	Thôn Hồ Đông - Xã Hồng Phong, An Dương, Hải Phòng ĐT:0904191403	Số 37Q Đ-UBND. Ngày 19/6/2018		1	60	1	30	7	3	1	2	0	850	486	0	180	100	25	25
29	Nhóm trẻ, lớp MGD L Ánh Sao	Nguyễn Thị Thu Trang	Ngọ Dương 3 An Hòa An Dương, Hải Phòng. ĐT:0936110587	Số 139/QĐ-UBND. Ngày 16/09/2019		2	115	1	25	15	4	2	2		800	520		500		55	47
30	Nhóm trẻ, lớp MGD L Thiên Ân	Nguyễn Thị Nhâm	Quỳnh Hoàng, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng. ĐT:09762018541	Số 114/QĐ-UBND. Ngày 31/12/2019		1	21	1	21	18	3	1	2		650	500	0	150		27	14
31	Nhóm trẻ, lớp MGD L Họa Mi Vàng	Đào Thị Nhiều	Lương Quán, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng. ĐT:0389010418	Số 23/QĐ-UBND. Ngày 06/3/2020		2	80	2	0	20	5	3	2		1000	520.	.	550.	100	60	47

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác/ năm	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
32	Nhóm trẻ, lớp MGDŁ Hoa Hướng Dương	Phạm Thị Hường	Thôn 4, Bắc Sơn, An Dương, Hải Phòng. ĐT:0987755651	Số 04/QĐ-UBND. Ngày 21/01/2016		3	165	3	150	18	6	2	4	0	800	520	500	270	102	70	70
33	Nhóm trẻ, lớp MGDŁ Ánh Mai	Nguyễn Thị Quy	Lê Lác I - An Hồng, An Dương- Hải Phòng ĐT:0965363108	Số 25/QĐ-UBND Ngày 10/3/2023		2	96	2	35	12	3	1	2		613	416		180	80	41	46
34	Nhóm trẻ, lớp MGDŁ Bé Yêu	Nguyễn Văn Chất	Ngô Hùng - An Hồng An Dương- Hải Phòng ĐT:0778486822	Số 43/QĐ-UBND Ngày 17/4/2023		2	315	2	120	60	4	2	2		650	468		360	120	50	31
35	Nhóm trẻ, lớp MGDŁ Sao Mai	Lê Thị Lý	Lê Lác II - An Hồng An Dương- Hải Phòng. ĐT:0913170483	Số 21/QĐ-UBND ngày 06/03/2023		1	48	1	50	12	2	2			650	468		450	100	25	33
36	Nhóm trẻ, độc lập Sao Sáng	Nguyễn Thị Mười	Ngô Hùng - An Hồng, An Dương- Hải Phòng. ĐT:0787318184	Số 19/QĐ-UBND ngày 01/03/2023		1	45	1	20	10	2	2			650	468		450.0	100	25	24
37	Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập Ánh Dương	Nguyễn Thị Linh	Thôn Dụ Nghĩa, xã Lê Thiện. ĐT:0904224064	Số 65/QĐ-UBND ngày 03/10/2018		2	80	1	86	12	4	2	2		610	390		35.0	75,000	70	54

TT	Tên cơ sở giáo dục mầm non	Tên chủ trường, chủ nhóm lớp	Địa chỉ và số điện thoại	Tính pháp lý		Cơ sở vật chất					Đội ngũ (CBGV)				Tài chính (đơn vị: nghìn đồng)					Huy động trẻ đi học	
				Số QĐ và ngày cấp phép thành lập	Số QĐ và ngày cấp phép hoạt động giáo dục	Số phòng học	Tổng diện tích các phòng học (m2)	Số phòng vệ sinh	Diện tích sân chơi (m2)	Diện tích bếp (m2)	Tổng số	Đại học, cao đẳng mầm non	Trung cấp mầm non	Chưa đạt trung cấp mầm non	Học phí/ tháng	Tiền ăn/ tháng	CSVC/ năm	Đồ dùng, học phẩm/ năm	Thu khác/ năm	Được phép theo kế hoạch	Đã huy động
38	Lớp NTMGDL Ngôi Sao Việt	Nguyễn Thị Thảo	Thôn Đại Đồng, Đại Bản, An Dương, Hải Phòng ĐT:0705 850 177	Số 29/QĐ-UBND. Ngày 26/02/2020		3	128	2	80	15	6	3	3		510	468	600	500	90	68	44
39	Nhóm trẻ, lớp MGD L Hoa Phượng	Trần Thị Bích Phượng	Thôn Lục Nông, Đại Bản, An Dương, Hải Phòng ĐT:0936 265 748	200/QĐ-UBND. Ngày 20/12/2017		2	126	1	100	28	4	2	2		510	468	600	500	90	49	50
Tổng						113		106			217	125	92							2822	2544

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO




Vũ Mạnh Hùng

An Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2023

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN




Lương Thế Quý